|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | | | | | **Phiếu số 02/ĐTTCTG-ĐMST/2016**  *Mã đơn vị điều tra* | | | |
| **PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**  **TỔ CHỨC TRUNG GIAN CỦA THỊ**  **TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  (ÁP DỤNG CHO CÁC TRUNG TÂM HỖ TRỢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO)  **PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ** | | |  |  | | | Ô này dành cho cơ quan thống kê ghi | |
| Tên đơn vị: | | | | |
|  | | | | |
| Tên giao dịch viết tắt (nếu có): | | | | |
|  | | | | |
| Địa chỉ: | | | | |
|  | | | | |
| Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương: | | | | |
|  | | | | |
| Điện thoại: | | Fax: | | |
|  | |  | | |
| Email: | | Website: | | |
|  | |  | | |
|  | | | | |
| **(Các thông tin cung cấp trong phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo luật định)** | | | | | | | | |
| |  | | --- | | **1. Thông tin về thủ trưởng đơn vị** (*Ghi đầy đủ Họ và tên; Đánh dấu vào mục phù hợp đối với học vị, chức danh*):  ***1.1. Họ và tên thủ trưởng***:  ***1.2. Trình độ:*** ⬜ Tiến sĩ ⬜ Thạc sĩ ⬜ Đại học ***1.3. Chức danh***: ⬜ Giáo sư ⬜ Phó giáo sư  ***1.4. Phương tiện liên lạc*** (*nếu là số điện thoại cố định ghi cả mã vùng)*: Điện thoại:  Di động: .........................................................Email: | | **2. Thành phần kinh tế** (*Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp nhất*):  ⬜ 1.Công lập ⬜ 2.Ngoài công lập ⬜ 3.Có vốn đầu tư nước ngoài | | **3. Tên cơ quan cấp trên trực tiếp** | | **4. Bộ, ngành/Địa phương chủ quản** (*Nếu là các tổ chức công lập, ghi Bộ/ngành hoặc UBND Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; nếu là các tổ chức KH&CN ngoài công lập, ghi UBND Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội):*    **PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC CỦA TỔ CHỨC TRUNG GIAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | | | | | | | | | |
| **(Số liệu tại thời điểm 31/12/2016)** | | | | | | | | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **2.1. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn, chức danh Giáo sư/Phó giáo sư**  *(Đơn vị tính: người)*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Mã số | Tổng số | Chia theo trình độ chuyên môn | | | | Chức danh GS, PGS | | |  | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Giáo sư | Phó giáo sư | | A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | | **TỔNG SỐ**  *Trong đó:* | 01 |  |  |  |  |  |  |  | | *- Số Nữ* | 02 |  |  |  |  |  |  |  | | *- Số cán bộ làm công tác tư vấn chuyển giao công nghệ* | 03 |  |  |  |  |  |  |  |   **Chú ý: Đối với nhân lực làm công tác tư vấn chuyển giao công nghệ đề nghị lập danh sách theo mẫu đính kèm Phiếu điều tra**  **2.2. Nhân lực đã có các chứng chỉ, chứng nhận và nhu cầu đào tạo nhân lực trong tương lai của đơn vị**  *(Đơn vị tính: người)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chứng chỉ, chứng nhận khóa học** | **Đã có** | **Nhu cầu đào tạo** | | Tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ |  |  | | Quản trị tài sản trí tuệ |  |  | | Đánh giá, định giá công nghệ |  |  | | Định giá tài sản trí tuệ |  |  | | Khác (Nêu rõ:    ) |  |  | | | | | | | | | | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH NĂM 2016**  **3.1. Tổng thu của đơn vị**  *(Đơn vị tính: triệu đồng)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Mã số** | **Tổng số** | | A | B | 1 | | **TỔNG THU**  *Chia theo nguồn thu:* | **01** |  | | **1. Do ngân sách nhà nước cấp** | **02** |  | | 1.1. Từ ngân sách trung ương | 03 |  | | 1.2. Từ ngân sách địa phương | 04 |  | | **2. Thu từ hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ** | **05** |  | | **3. Thu từ nguồn khác** | **06** |  | | **3.2. Tổng chi của đơn vị**  *(Đơn vị tính: triệu đồng)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Mã số** | **Tổng số** | | A | B | 1 | | **TỔNG CHI**  *Chia theo loại chi:* | **01** |  | | 1. Chi đầu tư phát triển | 02 |  | | 2. Chi thường xuyên | 03 |  | | 3. Chi khác | 04 |  |   **PHẦN IV: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ NGUỒN LỰC THÔNG TIN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ** | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.1. Trụ sở, đất đai, nhà xưởng** *(Diện tích đất được giao quyền sử dụng có tại thời điểm 31/12/2016)*  *(Đơn vị tính: m2)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Mã số** | **Diện tích** | | A | B | 1 | | 1. Tổng số diện tích trụ sở/phòng thí nghiệm/nhà xưởng | 01 |  | | 2. Tổng diện tích đất đang sử dụng (02=03+04+05) | 02 |  | | 2.1. Đất sử dụng cho trụ sở làm việc | 03 |  | | 2.2. Đất sử dụng cho khu thử nghiệm, trạm trại, xưởng thực nghiệm,... | 04 |  | | 2.3. Diện tích đất khác | 05 |  |   **4.2. Thông tin KH&CN**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Mã số** | **Đơn vị** | **Số lượng** | | A | B | C | 1 | | **4.2.1. Nguồn lực thông tin (Có đến 31/12/2016)** |  |  |  | | Các CSDL về KH&CN đơn vị đang khai thác, sử dụng | 01 | *CSDL* |  | | Nếu có, vui lòng liệt kê một số CSDL tiêu biểu:  -  -  - |  | X | X | | **4.2.2. Hạ tầng thông tin KH&CN (Có tại thời điểm 31/12/2016)** |  |  |  | | 1. Số lượng máy chủ | 02 | *Chiếc* |  | | 2. Băng thông đường truyền Internet | 03 | *Mbps* |  | | 3. Năng lực lưu trữ dữ liệu | 04 | *GB* |  | | 4. Số lượng máy tính cá nhân | 05 | *Chiếc* |  |     **4.3. Tài sản trí tuệ (Có đến 31/12/2016)**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Loại hình tài sản trí tuệ** | **Mã số** | **Đơn vị tính** | **Đơn vị là chủ sở hữu** | **Đơn vị được ủy quyền chuyển giao** | | 1. Số bằng độc quyền sáng chế | 01 | *Bằng* |  |  | | 2. Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích | 02 | *Bằng* |  |  | | 3. Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp | 03 | *Bằng* |  |  | | 4. Số giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp | 04 | *Giấy chứng nhận* |  |  | | 5. Số bằng bảo hộ giống cây trồng | 05 | *Bằng* |  |  | | 6. Số sáng kiến được công nhận | 06 | *Sáng kiến* |  |  |   **PHẦN V: HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, HỖ TRỢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**  **A – ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**  **1. Hoạt động tư vấn đổi mới sáng tạo, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ**  1.1. Các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo đã và đang phối hợp triển khai: (có thể chọn nhiều mục)  ⬜ 1. Quỹ Phát triển KH&CN TP. HCM ⬜ 4. FIRST  ⬜ 2. Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia của Việt Nam (NATIF) ⬜ 5. Quỹ Đổi mới sáng tạo Phần Lan (TEKES)  ⬜ 3. Quỹ Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp ⬜ 6. Khác (Nêu rõ: )  1.2. Các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo đơn vị đã và đang thực hiện: (có thể chọn nhiều mục)  ⬜ 1. Chương trình Newton Việt Nam (Quỹ Newton) ⬜ 3. Khác (Nêu rõ:  ⬜ 2. Chương trình đổi mới sáng tạo Việt Nam – Phần Lan GĐ2(IPP2) )  1.3. Đơn vị tư vấn loại hình đổi mới sáng tạo nào? (có thể chọn nhiều mục)  ⬜ 1. Đổi mới sáng tạo sản phẩm ⬜ 3. Đổi mới sáng tạo quy trình  ⬜ 2. Đổi mới sáng tạo tiếp thị ⬜ 4. Đổi mới sáng tạo tổ chức  1.4. Loại hình tài sản trí tuệ được quý đơn vị khai thác, thương mại hóa: (có thể chọn nhiều mục)  ⬜ 1. Sáng chế ⬜ 4. Giải pháp hữu ích  ⬜ 2. Kết quả nghiên cứu ⬜ 5. Kiểu dáng công nghiệp  ⬜ 3. Nhãn hiệu hàng hóa  **2. Mạng lưới liên kết của đơn vị**  Các tổ chức có liên kết hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo với đơn vị (có thể chọn nhiều mục):  ⬜ 1. Các tổ chức/cộng đồng khởi nghiệp trong nước ⬜ 5. Quỹ đầu tư  ⬜ 2. Các tổ chức quốc tế ⬜ 6. Trường đại học  ⬜ 3. Công ty tài chính ⬜ 7. Vườn ươm  ⬜ 4. Viện, trung tâm nghiên cứu  **3. Các hoạt động của đơn vị nhằm hỗ trợ cho các nhóm khởi nghiệp (có thể chọn nhiều mục)**  ⬜ 1. Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật ⬜ 4. Hoạt động truyền thông, kết nối cộng đồng khởi nghiệp  ⬜ 2. Tư vấn về pháp lý, chính sách, sở hữu trí tuệ, vốn, ... ⬜ 5. Giới thiệu đối tác – Nhà đầu tư  ⬜ 3. Đào tạo, huấn luyện, cung cấp nguồn nhân lực ⬜ 6. Khác (Nêu rõ: )  **4. Các lĩnh vực đơn vị ưu tiên hỗ trợ đổi mới sáng tạo (có thể chọn nhiều mục)**  ⬜ 1. Chế biến lương thực thực phẩm ⬜ 4. Hóa chất (nhựa, cao su, dược phẩm)  ⬜ 2. Điện tử - công nghệ thông tin ⬜ 5. Khác (Nêu rõ: )  ⬜ 3. Cơ khí chế tạo  **B – HỖ TRỢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**  **1. Hệ thống CSDL giới thiệu CN&TB**  1.1. Đơn vị có hệ thống CSDL CN&TB chào bán, trưng bày?  ⬜ 1. Có ⬜ 2. Không  Nếu có, vui lòng cung cấp địa chỉ truy cập:  1.2.Các dịch vụ của đơn vị: (có thể chọn nhiều mục)  ⬜ 1. Tư vấn công nghệ ⬜ 4. Định giá/đánh giá công nghệ  ⬜ 2. Tư vấn sở hữu trí tuệ ⬜ 5. Khác (Nêu rõ:  ⬜ 3. Tư vấn pháp lý )  1.3. Kết quả hoạt động tư vấn chuyển giao CN&TB/Tài sản trí tuệ   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Năm 2015** | | **Năm 2016** | | | **Số lượng hợp đồng**  **(Hợp đồng)** | **Doanh thu**  **(Triệu đồng)** | **Số lượng hợp đồng**  **(Hợp đồng)** | **Doanh thu**  **(Triệu đồng)** | | Hoạt động tư vấn kết nối chuyển giao công nghệ/tài sản trí tuệ |  |  |  |  |   1.4. Sản phẩm tiêu biểu mà đơn vị đã tư vấn chuyển giao thành công   |  |  | | --- | --- | | **Tên sản phẩm** | **Bên chuyển giao** | | 1. |  | | 2. |  | | 3. |  | | … |  |   1.5. Số lần tham gia hội chợ/Techmart/trình diễn công nghệ trong năm 2015: (lần).  Số lần tham gia hội chợ/Techmart/trình diễn công nghệ trong năm 2016: (lần).  1.6. Số lượng CN&TB tham gia hội chợ trong năm 2015: (CN&TB).  Số lượng CN&TB tham gia hội chợ trong năm 2016: (CN&TB).  **2. Hoạt động quảng bá, tiếp thị**  2.1. Đơn vị có tổ chức các sự kiện quảng bá CN&TB theo chuyên đề hay không?  ⬜ 1. Có ⬜ 2. Không  Nếu có, số chuyên đề đơn vị thực hiện trong năm 2016 là: chuyên đề.  2.2. Đơn vị có tổ chức các hội thảo giới thiệu CN&TB hay không?  ⬜ 1. Có ⬜ 2. Không  Nếu có, số hội thảo đơn vị thực hiện trong năm 2016 là: hội thảo.  **3. Dịch vụ đặt hàng nghiên cứu, hoàn thiện, hợp tác đầu tư đổi mới công nghệ đã và đang thực hiện**  3.1. Số lượng CN&TB đặt hàng nghiên cứu: CN&TB.  3.2. Tổng số dự án đã và đang kêu gọi đầu tư: dự án.  Cụ thể các dự án kêu gọi đầu tư:   |  |  | | --- | --- | | **Tên dự án** | **Thời gian thực hiện** | | 1. |  | | 2. |  | | 3. |  | | … |  |   **C – ĐỊNH GIÁ/ĐÁNH GIÁ CN&TB/TÀI SẢN TRÍ TUỆ**  **1. Đơn vị đã được cấp phép chức năng định giá/đánh giá chưa?**  ⬜ 1. Có ⬜ 2. Chưa  **2. Đơn vị đã tư vấn định giá/đánh giá loại hình tài sản trí tuệ nào (có thể chọn nhiều câu trả lời)**  ⬜ 1. CN&TB  ⬜ 2. Tài sản trí tuệ  ⬜ 2.1. Sáng chế ⬜ 2.4. Kiểu dáng công nghiệp  ⬜ 2.2. Nhãn hiệu hàng hóa ⬜ 2.5. Kết quả nghiên cứu  ⬜ 2.3. Giải pháp hữu ích  ⬜ 3. Khác (Nêu rõ: )  **3. Kết quả hoạt động định giá/đánh giá CN&TB/tài sản trí tuệ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Số lượng hợp đồng**  **(Hợp đồng)** | **Doanh thu**  **(Triệu đồng)** | | Hoạt động định giá/đánh giá CN&TB/tài sản trí tuệ |  |  |   **4. Một số khách hàng tiêu biểu mà đơn vị đã thực hiện hợp đồng định giá/đánh giá CN&TB/tài sản trí tuệ**   |  |  | | --- | --- | | **Tên đơn vị** | **Loại hình tài sản trí tuệ đã định giá/đánh giá** | | 1. |  | | 2. |  | | 3. |  | | … |  |   **D – THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ**  **1. Thuận lợi**            **2. Khó khăn**              **3. Đề xuất nhu cầu cần hỗ trợ của đơn vị** | | | | | | | | |
| **Người trả lời phiếu:**  Họ và tên:........................................  Điện thoại:.......................................  E-mail:.............................................  **Điều tra viên:**  Họ và tên:........................................  Điện thoại:.......................................  E-mail:............................................. | *.........., ngày....... tháng...... năm 2017*  **Thủ trưởng đơn vị**  (*Ký tên, đóng dấu)* | | | | | |

*Thông tin liên hệ:*

*Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh*

*79 Trương Định, P. Bến Thành, Q.1, Tel. (08) 35210735; Fax: (08) 38291957;*

*Email: minhttk@cesti.gov.vn*

***Cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị:**  Địa chỉ: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DANH SÁCH CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC TƯ VẤN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Giới tính** | **Chức vụ**  **hiện tại** | **Năm tốt nghiệp** | | | | **Chức danh GS/ PGS** |
| **Cao đẳng** | **Đại học** | **Thạc sĩ** | **Tiến sĩ** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*......, ngày...... tháng ... năm 2017*

**Người lập biểu Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*